TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/DS-ST
Ngày 10 – 4 – 2024
V/v yêu cầu bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà.

Ông Hồ Thanh Phong.

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 595/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "yêu cầu bồi thường thiệt hại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Kim X, sinh năm 1962. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X: Ông Lê Văn V, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau – văn bản ủy quyền ngày 13/12/2023 (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Trần Hoàng K, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Phạm Thị Bé E, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lê Văn V, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Số Z, đường L, Phường K, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Kim X, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của ông Lê Văn V, thể hiện*:

Vào ngày 09/4/2016 ông V sang nhượng cho bà X phần đất có kích thước 05mx36m (tương ứng 180m^2) tại ấp T1, xã T2, huyện Đ (phần đất do ông V đứng tên giấy chứng nhận), có các phía tiếp giáp: Phía đông và phía nam giáp ông Lê Văn Qui, phía tây giáp đất ông V (phần còn lại) và phía bắc giáp lộ xe Đầm Dơi – Cà Mau; khi sang nhượng có làm giấy tay nhưng chưa làm thủ tục chuyển tên.

Ngày 15/02/2022 bà X, ông V ký hợp đồng với ông Trần Thanh T về việc xây nhà cho bà X, thời gian thi công từ ngày 13/3/2022 đến ngày 24/6/2022; theo đó bà X chịu trách nhiệm mua vật tư đảm bảo cho việc thi công và trả mức khoán nhân công 1.000.000 đồng/m^2, khi hoàn thành sẽ đo đạc, tính tiền. Ngoài ra, các bên thỏa thuận nếu ông T giao chậm sẽ phạt 1.000.000 đồng/ngày hoặc bà X không cung cấp đủ vật tư xây dựng hoặc do cản trở khác dẫn đến không thi công được thì phải bồi thường 1.000.000 đồng/ngày. Ngày 13/3/2022 bà X khởi công xây nhà trên phần đất sang nhượng (có làm đơn gửi UBND xã Tân Trung thì được trả lời khi xây dựng nhà cấp 4 không cần xin phép do chưa có chủ trương chuyển mục đích sử dụng); khi thực hiện, ông T thuê nhân công và giao cho người khác quản lý trực tiếp chấm công thợ (không nhớ tên) thực hiện. Quá trình thi công, một số nhóm nhân công thực hiện không đảm bảo (không nhớ bao nhiêu lần) thì ông T thay đổi các nhóm thợ; trong đó, có nhóm thợ đến làm từ ngày 13 - 17/4/2022, sau đó đổi nhóm khác từ ngày 17-19/4/2022.

Đến ngày 19/4/2022 ông K, bà Bé E ngăn cản (chửi, hăm, đe dọa đâm chém) không cho xây với lý do khi xây nhà bà X lấn qua phần đất ông K, bà Bé E đã sang nhượng của ông V, Ủy ban nhân dân xã đến lập biên bản vào ngày 25/5/2022, tuy nhiên, sau đó khi thợ đến xây thì ông K, bà Bé E vẫn tiếp tục ngăn cản.

Vào ngày 17/4/2022 khi ông K không cho thợ xây thì ông V tự kiểm tra, xác định phần đất sang nhượng cho ông K ở phía tây bị ông Khởi lấn chiếm, đến ngày 25/4/2022 ông V và ông K thỏa thuận (có làm biên bản) nếu định vị lại mà thiếu chiều ngang thì ông V bồi thường 10.000.000 đồng/0,1m, nếu không thiếu ông K phải bồi thường.

Khi bà X xây nhà thì giữa ông V và ông K, bà Bé E vẫn còn tranh chấp vì cho rằng phần đất sang cho bà X không đúng, lấn qua phần đất của ông K, bà Bé E nên ngày 01/6/2022 bà X đã khởi kiện ông K, bà Bé E đến Tòa án yêu cầu về việc ngăn cản không cho xây và yêu cầu bồi thường thiệt hại trong thời gian thợ không xây do bị ngăn cản; cùng ngày 01/6/2022 Ủy ban nhân dân xã tiếp tục đến lập biên bản lần 2; đến ngày 23/6/2022 Tòa án mời các bên đến hòa giải, qua phân tích của Thẩm phán, khi có căn cứ xác định bà X lấn chiếm đất thì ông K có quyền khởi kiện nên bà X rút đơn khởi kiện.

Ngày 27/6/2022 nhóm thợ đến xây thì ông K tiếp tục dùng cây thọt đổ 02m^2 tường, Công an xã mời làm việc và ngày 28/6/2022 Ủy ban nhân dân xã hòa giải và xác định bà X sang trước nên có quyền xây, còn ông K, bà Bé E sang sau nếu thiếu thì yêu cầu ông V giao đất hoặc bồi thường thì lúc này ông K mới cho tiếp tục xây. Theo ông V, khi xây phần nhà còn cách ranh đất ông K khoảng 0,2m nhưng ông K luôn gây khó khăn (thời điểm các bên vẫn chưa định vị ranh cụ thể).

Như vậy, ông K, bà Bé E ngăn cản từ ngày 19/4/2022, đến ngày 25/5/2022 Ủy ban nhân dân xã đến lập biên bản thể hiện ông K, bà Bé E yêu cầu ngừng không cho thợ xây nhà cho bà X từ ngày 16/5/2022 và đến ngày 28/6/2022 Ủy ban nhân dân xã hòa giải thì lúc này ông K, bà Bé E mới chấp nhận cho xây. Như vậy, thời gian ngừng thi công từ ngày 16/5/2022 đến ngày 28/6/2022 là 43 ngày và bà X đã mượn tiền của ông V để bồi thường số ngày không thi công do bị ngăn cản cho ông T là 43.000.000 đồng nên ông V yêu cầu ông K, bà Bé E phải trả lại cho bà X số tiền đã bồi thường cho ông T là 43.000.000 đồng.

** Theo văn bản giải trình, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của ông Trần Hoàng K, bà Phạm Thị Bé E, thể hiện:*

Trước đây, ông K, bà Bé E sang phần đất của ông V; khi bà X xây nhà trong khi ông V chưa định vị rõ ràng phần đất sang nhượng cho ông K, bà Bé E và bà X nên từ ngày 19/4/2022 đến ngày 28/6/2022 ông K, bà Bé E có ngăn cản không cho bà X xây nhà. Quá trình bà X xây nhà, xã có lập biên bản yêu cầu bà X dừng xây dựng để chờ kết quả giải quyết. Do chưa giải quyết dứt điểm nhưng bà X vẫn xây nên ông K, bà Bé E không đồng ý và ngăn cản không cho xây trong thời gian như ông V xác định.

Sau khi Tòa án thụ lý theo yêu cầu của bà X, đến ngày 23/6/2022 tổ chức hòa giải, Thẩm phán xác định phía bà X (nguyên đơn) kiện không đúng nên bà X đã rút đơn để ông K, bà Bé E thực hiện việc khởi kiện; sau đó, ông K, bà Bé E đã khởi kiện yêu cầu giải quyết việc tranh chấp phần đất đã sang của ông V; đến ngày 30/8/2022 khi Tòa án xuống đo đạc, thẩm định và định vị lại ranh đất của ông Khởi mới đủ phần đất đã sang nên ông K, bà Bé E rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, do ông V vẫn không thực hiện làm thủ tục chuyển tên nên ông K, bà Bé E tiếp tục khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng; quá trình giải quyết các bên thỏa thuận xong, ông V làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận cho ông K, bà Bé E và được cấp vào ngày 01/8/2023 nên ông K, bà Bé E rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Qua yêu cầu của bà X thì ông K, bà Bé E không đồng ý vì bà X xây nhà khi phần đất tranh chấp chưa được giải quyết dứt điểm, việc ngăn cản không cho xây với mục đích để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời gian chờ giải quyết.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của ông Lê Văn V, thể hiện*: Do phần đất sang nhượng cho bà X chưa chuyển tên trong giấy, do vậy ông V, bà X trực tiếp ký hợp đồng thi công nhà cho bà X, khi bị

ngăn cản và phải bồi thường cho ông T, bà X có mượn của ông V 43.000.000 đồng để bồi thường. Tuy nhiên, đối với số tiền này ông V tự thỏa thuận với bà X và không yêu cầu gì trong vụ án này.

** Đối với ông Trần Thanh T*: Sau khi Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan nhưng ông T không có ý kiến gì về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa các đương sự phát biểu ý kiến tranh luận:

Ông Lê Văn V xác định các căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đó là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông V đứng tên, hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà X, hợp đồng xây dựng, biên bản thỏa thuận ranh đất ngày 25/4/2022, biên bản dừng đo đạc ngày 09/5/2022, Biên bản do Ủy ban nhân dân xã lập ngày 25/5/2022, Biên bản do Ủy ban nhân dân xã lập về việc tranh chấp ranh đất, nhà trên đất ngày 01/6/2022. Cùng ngày 01/6/2022 bà X khởi kiện đến Tòa án yêu cầu đối với ông K, bà Bé E về việc ngăn chặn không cho xây nhà và yêu cầu bồi thường thiệt hại, biên bản thỏa thuận ngày 23/6/2022, biên bản thẩm định đất ngày 30/8/2022, giấy chứng nhận đã cấp cho ông K, bà Bé E. Các căn cứ này xác định bà X xây nhà không lấn qua đất ông K, bà Bé E và phần đất của ông K, bà Bé E vẫn đảm bảo đủ 10m sang nhượng theo thỏa thuận.

Ông K trình bày các căn cứ để không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đó là: Khi bà X xây dựng nhà cặp ranh đất nhưng không gia đình cho hay, khi kiểm tra mốc từ trụ đá của ông Khởi đo qua thì gia đình còn thiếu 0,4m ngang nên phát sinh tranh chấp, bên cạnh đó ông V không làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nếu để bà X xây nhà sẽ gây thiệt hại cho gia đình nên phải ngăn cản. Khi bà X kiện sau đó đã rút đơn nhưng ông V không tách giấy chứng nhận nên gia đình ông khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng, ngày 30/8/2022 khi Tòa án xuống thẩm định, lúc này ông Khởi mới đồng ý dời trụ đá về phía ông Khởi lúc này mới xác định được ranh đất giữa ông Khởi, bà X và ông K, bà Bé E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Bé E, ông Trần Thanh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp.

[2] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa của các đương sự, thể hiện:

[2.1] Ông Lê Văn V có phần đất tại ấp Thành Vọng, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau kích thước ngang 36mx36m, được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp giấy chứng nhận số CC 428243 vào ngày 21/10/2015 có diện tích 1.080m^2 (các phía đều đã được cặm trụ đá địa chính). Ngày 09/4/2016 ông V sang cho bà Nguyễn Kim X phần đất kích thước 05mx36m có các phía tiếp giáp: Phía

đông và phía nam giáp ông Lê Văn Qui, phía tây giáp đất ông V (phần còn lại) và phía bắc giáp lộ xe Đầm Dơi – Cà Mau; ngày 02/5/2016 ông V sang cho bà Phạm Thị Bé E (vợ ông Trần Hoàng K) phần đất kích thước 05mx36m có các phía tiếp giáp: Phía đông giáp phần đất ông V (phần còn lại), phía tây giáp bà Trần Thị Chính, phía nam giáp ông Lê Văn Qui và phía bắc giáp lộ xe Đầm Dơi – Cà Mau; đến ngày 26/10/2016 ông V sang cho ông K phần đất kích thước 05mx36m có các phía tiếp giáp: Phía đông giáp phần đất ông V (phần còn lại), phía tây giáp ông Trần Văn Mến, phía nam giáp ông Lê Văn Qui và phía bắc giáp lộ xe Đầm Dơi – Cà Mau. Các lần sang nhượng này đều lập thành văn bản, các bên ký xác nhận nhưng chưa đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển tên.

[2.2] Ngày 19/5/2016 ông V làm thủ tục sang nhượng và tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Dung, bà Trần Thị Chinh, ông Trần Văn Mến (phần đất từ ranh đất hướng từ Cà Mau về Đầm Dơi); quá trình đo đạc cấp giấy phần đất chuyển nhượng, ranh đất ông Mến và phần đất còn lại cùa ông V đã được cặm trụ đá địa chính. Đồng thời cũng thời điểm này, ông V sang nhượng phần đất cho bà X (phần đất từ ranh đất ông Lê Văn Qui lên hướng Cà Mau – phía ông Qui đã cặm trụ đá), phần còn lại ông V sang nhượng cho bà Bé E, ông K. Tuy nhiên, phần ranh giới đất chuyển nhượng cho bà X và vợ chồng ông K, bà Bé E chưa xác định ranh cụ thể mà chỉ xác định phần đất bà X chuyển nhượng tính từ trụ đá giáp ranh ông Qui về hướng Cà Mau, còn phần đất ông K, bà Bé E chuyển nhượng tính từ ranh trụ đá ông Mến về hướng Đầm Dơi. Quá trình sử dụng, bà Chinh, ông Mến sang nhượng lại cho ông Trần Quốc Khởi (sử dụng trụ đá đã cắm cho ông Mến làm ranh với phần đất còn lại ông V sang nhượng cho bà Bé E, ông K).

[2.3] Ngày 01/6/2022 bà X khởi kiện việc tranh chấp đất đối với ông K, bà Bé E đến ngày 23/6/2022 bà X rút đơn khởi kiện nên Tòa án ra quyết định đình chỉ số 146/2022/QĐST-DS. Ngày 18/7/2022 ông K, bà Bé E khởi kiện việc tranh chấp đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông V, bà Nguyễn Kim Dựa và ông Trần Quốc Khởi; sau khi Tòa án kết hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện xuống thẩm định phần đất tranh chấp vào ngày 30/8/2022 thì các bên mới thỏa thuận cặm lại ranh đất của ông Khởi và định vị lại phần đất ông K, bà Bé E chuyển nhượng xong nên ông K, bà Bé E rút đơn khởi kiện, Tòa án ra quyết định đình chỉ số 229/2022/QĐST-DS vào ngày 31/8/2022. Mặc dù vậy nhưng do ông V không làm thủ tục tách giấy chứng nhận nên ngày 07/4/2023 ông K, bà Bé E tiếp tục khởi kiện yêu cầu ông V, bà Dựa về việc công nhận các hợp đồng đã chuyển nhượng, ông V có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu ông K, bà Bé E bồi thường số tiền 43.000.000 đồng do đã xuất ra bồi thường cho ông T thay cho bà X. Quá trình giải quyết vụ án, giữa ông K, bà Bé E với ông V đã thỏa thuận, ông V làm xong và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K, bà Bé E nên ông K, bà Bé E rút yêu cầu khởi kiện, ông V rút yêu cầu độc lập nên Tòa án đã ra quyết định đình chỉ số 333/2023/QĐST-DS ngày 22/8/2023.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng:

[3.1] Lời trình bày tại phiên tòa của ông V về việc phần đất của ông thể hiện giữa các trụ đá vẫn đảm bảo chiều ngang 36m (bám theo lộ xe Đầm Dơi – Cà Mau) nên khi định vị đất cho bà X xây nhà từ phía ranh ông Qui qua 05m không ảnh hưởng đến phần đất sang cho ông K, bà Bé E, thấy rằng: Mặc dù phần đất của ông V vẫn đủ chiều ngang nhưng kích thước phần đất chuyển nhượng cho bà X và ông K, bà Bé E chỉ thể hiện trên giấy nhưng chưa được xác định cụ thể trên thực địa trong khi đó phần ranh đất sang cho ông Mến (sau này sang nhượng lại cho ông Khởi) chưa xác định chính xác thì không thể căn cứ vào kích thước tổng thể để xác định bà X khi xây dựng nhà không lấn qua đất vợ chồng ông K, bà Bé E xây dựng hay không mà phải tiến hành định vị trên thực tế mới có căn cứ xác định.

[3.2] Nguyên nhân phát sinh tranh chấp xuất phát từ việc bà X xây nhà vào ngày 13/3/2022. Theo ông K xác định nếu đo từ trụ đá ranh giới của ông Mến trước đây (sau này chuyển nhượng cho ông Khởi) thì phần nhà bà X đã xây lấn qua đất ông K, bà Bé E nên phát sinh tranh chấp và bà X đã khởi kiện ông K, bà Bé E và được Tòa án thụ lý vào ngày 01/6/2022, quá trình giải quyết bà X rút yêu cầu khởi kiện. Sau đó ông K, bà Bé E khởi kiện ông V yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng và làm thủ tục tách giấy chứng nhận; ngày 30/8/2022 Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất, qua kiểm tra, định vị lại lúc này ông Khởi mới đồng ý dời trụ đá mà ông Mến đã cặm trước đây thì mới đủ phần đất của ông K, bà Bé E sang nhượng.

Như vậy, trong khoảng thời gian bà X xây nhà phía bà X và ông K, bà Bé E đều xác định quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên đã khởi kiện yêu cầu yêu cầu pháp luật bảo vệ; quá trình giải quyết vụ án, đến ngày 30/8/2022 các đương sự mới thỏa thuận được ranh giới giữa ông Khởi, ông K, bà Bé E và bà X. Như vậy, phải đến thời điểm này (ngày 30/8/2022) các bên mới xác định được ranh giới giữa các bất động sản của mình đúng theo theo Điều 175 của Bộ luật Dân sự; mặt khác, khi các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình giải quyết đã thỏa thuận xong nên rút yêu cầu khởi kiện. Như vậy, việc các bên tự thỏa thuận nên không phải là căn cứ xác định ai đúng, ai sai và yêu cầu bồi thường tiền phạt trong hợp đồng xây nhà của bà X không phải là căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường theo Điều 584 của Bộ luật Dân sự.

[3.3] Mặt khác, hợp đồng thi công xây dựng nhà thiết lập ngày 15/02/2022 giữa ông T với bà X, ông V (có mối quan hệ bà con với nhau): Mặc dù các bên thỏa thuận có quy định thời gian thi công, chi phí nhân công, trách nhiệm của các bên và cam kết phạt của các bên trong quá trình giao nhận nhà nhưng lại không quy định mức thưởng trong hợp đồng; theo hợp đồng quy định thời gian thi công từ ngày 13/3/2022 đến ngày 24/6/2022 nhưng ngày bàn giao nhà và thanh lý hợp đồng là ngày 20/10/2022.

Xét lời trình bày tại phiên tòa của ông V xác định nguyên nhân kéo dài là do phát sinh một số hạng mục khi xây nhà cho bà X, thấy rằng: Khi thiết lập

hợp đồng các bên không xác định các hạng mục cụ thể mà trên cơ sở khoán tiền nhân công theo mức 1.000.000 đồng/m^2 sàn; tuy vậy, khi ký và thanh lý hợp đồng thì cũng không ký bổ sung phụ lục đề cập đến các công việc phát sinh so với hợp đồng đã ký. Như vậy, với thời gian bắt đầu xây đến nghiệm thu bàn giao thì ông T giao chậm hơn so với hợp đồng là 03 tháng 26 ngày, đối trừ thời gian không xây dựng do ngăn cản (như ông V, bà X đặt ra) là 43 ngày thì số ngày giao chậm so với thỏa thuận trong hợp đồng là 02 tháng 13 ngày. Do đó, về nguyên tắc bà X có nghĩa vụ bồi thường 43.000.000 đồng thì ông T phải bồi thường lại do giao nhà chậm là 73.000.000 đồng nhưng khi thanh lý hợp đồng cũng không đề cập đến nội dung này mà chỉ chú trọng số tiền phạt mà bà X phải chịu. Do vậy, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc xem xét, đánh giá tính khách quan của hợp đồng khi giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà X đối với ông K, bà Bé E.

[3.4] Theo Điều 589 của Bộ luật Dân sự quy định các thiệt hại do tài sản bị xâm phạm làm căn cứ để bồi thường bao gồm: Tài sản bị mất, bị hủy hoặc bị hư hỏng; lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản bị mất, bị giảm sút; chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại; thiệt hại khác do pháp luật quy định. Đối chiếu với điều luật trên cho thấy, việc phạt trong hợp đồng xây dựng giữa ông T với bà X, ông V không phải là một trong các căn cứ để bồi thường theo quy định của Bộ luật Dân sự.

[4] Từ sự phân tích nêu trên, việc bà X khởi kiện yêu cầu ông K, bà Bé E bồi thường số tiền 43.000.000 đồng đã xuất trả cho ông T là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, ông V xác định quá trình ông K, bà Bé E ngăn cản xây dựng dẫn đến một số xi măng trộn hồ không sử dụng được và đổ bỏ nhưng do không có chứng cứ nên không yêu cầu bồi thường đối với các thiệt hại này. Đây là nội dung mới phát sinh tại phiên tòa và đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với số tiền 43.000.000 đồng mà bà X mượn của ông V nhưng ông V không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về nội dung này sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Kim X là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên xét miễn toàn bộ là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 175, 584 và 589 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim X về việc yêu cầu ông Trần Hoàng K, bà Phạm Thị Bé E phải bồi thường số tiền 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn cho bà Nguyễn Kim X.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chị cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Càn